



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VĂN HÓA CÔNG CHIÊNG CÁC TỘC THIỂU SỐ QUẢNG NAM

TÒN THẤT HƯƠNG*

Trong quá trình tồn tại và phát triển, các tộc Cơ Tu, Xơ Đăng, Co, Giê - Triêng ở miền núi Quảng Nam đã sáng tạo những giá trị văn hóa mang đậm bản sắc. Trải qua bao thăng trầm, biến cố của lịch sử, đặc trưng văn hóa đó vẫn được lưu giữ, bảo tồn qua nhiều thế hệ và trở thành sức sống mãnh liệt đối với các tộc người. Trong kho tàng văn hóa truyền thống của các tộc thiểu số Quảng Nam, không gian văn hóa công chiêng luôn giữ vai trò trọng tâm, chủ đạo và định hướng chung cho cả nền văn hóa bản địa.

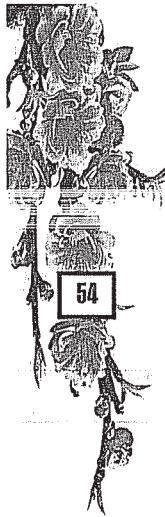
Miền núi Quảng Nam mang những nét đặc trưng của tiểu vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Trên cơ tầng thống nhất của cả khu vực rộng lớn ấy, những nét hằn riêng của sinh thái tự nhiên nơi đây đã góp phần không nhỏ trong việc tạo nên bản sắc văn hoá riêng của mình. Nằm trong đặc trưng chung của văn hoá các tộc người Trường Sơn - Tây Nguyên, văn hoá công chiêng các tộc thiểu số ở Quảng Nam được hình thành một phần từ sự nhạy cảm của điều kiện tự nhiên. Trên cơ sở sự ứng xử của con người với tự nhiên, sinh hoạt công chiêng đã được nuôi dưỡng như một mạch sống thiết yếu.

Về mặt không gian địa lý, dấu ấn của điều kiện tự nhiên đối với việc hình thành và bảo lưu văn hoá công chiêng của đồng bào nơi đây rất đậm nét. Thiên nhiên vốn dĩ bao la, vô tận. Điều đó đúng với vùng đồng bằng trên mọi phương diện, bởi đặc điểm về mặt địa hình ở đồng bằng thường dàn trải và mang tính mở, ở đó giới hạn về tầm nhìn cơ học cũng như về không gian đường như không có. Vì

vậy, chỉ cần âm thanh của một chiếc trống đồng cũng đủ sức ngân trên một khu vực rộng lớn. Điều đó giải thích vì sao cư dân Việt cổ thường có tục thờ "thần đồng". Ngược lại, đặc điểm chung của địa hình miền núi Quảng Nam là không gian "khép", đồi núi trập trùng như bức tường thành "đóng khung" các tiểu vùng tự nhiên. Do vậy, các sinh hoạt âm nhạc dân gian phải được "thiết kế" trên cơ sở thích ứng với điều kiện tự nhiên ấy để đảm bảo cả về mặt âm lượng cũng như tiết tấu của các nhạc cụ. Sự giới hạn về mặt địa lý đặt ra yêu cầu phải có một loại hình nhạc cụ đảm bảo sức lan toả, lấp đầy cả không gian. Sinh hoạt công chiêng được thực hiện tuân thủ các quy định chặt chẽ về biên chế và hợp âm, âm thanh của chiếc này là phần đệm của chiếc tiếp theo, cứ như thế dàn hợp âm dội vào vách núi, âm thanh thực ảo, cộng hưởng tạo nên sức vang xa mãnh liệt, vượt qua mọi giới hạn về mặt địa hình. Như vậy, đặc điểm riêng về địa hình ở miền núi Quảng Nam là điều kiện đầu tiên có ảnh hưởng sâu sắc tới việc hình thành không gian văn hoá công chiêng các tộc thiểu số Quảng Nam.

Mối quan hệ thuận chiều giữa con người và thiên nhiên rộng lớn cũng chính là cội nguồn cho sự ra đời văn hoá công chiêng. Sống trong môi trường với những hào phóng mà thiên nhiên ban tặng, con người phải thông qua một phương tiện trung gian để giải bày những tâm tư và nguyện vọng của mình. Để tồn tại và phát triển giữa núi rừng mang đầy màu sắc huyền thoại, người dân trở nên nhỏ bé vô cùng, họ phải nương tựa vào tự nhiên. Thiên nhiên như bầu sữa mẹ ngày đêm nuôi dưỡng mạch sống cho cả cộng đồng. Bởi vậy, sự biết ơn đối với mẹ thiên nhiên trở thành một

* Phó Giám đốc Thư viện tỉnh Quảng Nam



tình cảm thường trực và xuyên suốt trong mạch máu mỗi con người. Tình cảm ấy là sự thăng hoa của nhiều cảm xúc khác nhau, vì vậy để giải bày lòng thành kính, phải có những nhạc cụ thể hiện được mọi cung bậc tình cảm, các trạng thái tâm lý. Trong điều kiện ấy, âm thanh công chiêng với những thang âm, phức điệu khác nhau là sự đáp ứng đầy đủ nhất những yêu cầu đặt ra cả về mặt tình cảm và tâm linh. Trên cơ sở đó, công chiêng được ra đời và giữ gìn với ý nghĩa đầy đủ như một thực thể sống.

Trong môi trường thiên nhiên hoang sơ nhất, nhu cầu tự vệ có một vai trò không nhỏ trong việc hình thành và phát triển văn hoá công chiêng. Trước hết đó là sự tập hợp lực lượng để đối phó với những tai ương mà thiên nhiên gây ra, như: hạn hán, lũ lụt, lở đất, sạt núi... Việc đối phó với những thử thách ấy của thiên nhiên, đặc biệt trong điều kiện địa hình chia cắt, điều kiện thông tin liên lạc duy nhất giữa các cá thể trong cộng đồng không gì khác phải là loại nhạc cụ thể hiện được đầy đủ tính cộng đồng. Có như vậy, sức mạnh tập thể mới được huy động bởi phương tiện hữu hiệu nhất. Trong trường hợp này, chỉ có âm thanh công chiêng mới đủ sức đảm nhiệm vai trò cao cả đó. Mặt khác, sự đe dọa của các loài thú dữ, động vật hoang dã cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết tập hợp mọi người phải chung sức. Truyền thuyết kể về sự xuất hiện của công chiêng ở một số tộc miền núi Quảng Nam có xuất phát điểm từ nhu cầu đuổi thú dữ phá hoại mùa màng, nhà cửa, đe dọa sự sống của đồng bào. Trong lúc mọi nỗ lực, kể cả việc đem tính mạng của người dân ra để chiến đấu bảo vệ sự sống đều trở nên bất lực thì công chiêng xuất hiện với âm thanh trầm bổng, hùng hồn như một phép màu nhiệm, khiến bầy thú dữ trở nên ngơ ngác và phải bỏ chạy. Chi tiết của truyền thuyết có phần hư cấu, nhưng một thực tế là, trong điều kiện sống ở núi rừng, nạn thú dữ đe dọa là chuyện hiển nhiên và cần có một phương tiện, một mặt vừa tập hợp được đồng đảo mọi người, mặt khác, chính âm thanh, tự thân của nó, cũng tạo ra sức mạnh bảo vệ sự yên ổn trong cuộc sống đồng bào. Như vậy, yếu tố tự vệ trong môi trường sống còn mang đậm tính chất hoang dã cũng là điều kiện quyết định đến sự tồn tại và phát triển của sinh hoạt công chiêng.

Đặc tính con người miền núi Quảng Nam với những nhu cầu về đời sống tinh thần là điều kiện tiên quyết cho sự ra đời và lưu giữ văn hoá công chiêng. Sinh ra và lớn lên gắn với núi rừng, đất

rừng nên trong tâm linh của đồng bào, rừng còn ẩn chứa sự thiêng liêng và đồng bào ứng xử với rừng như một loại đạo đức, rừng là sự sống còn của họ. Có thể nói, rừng và đất rừng đã trở thành một nền văn minh hòa quyện với văn hóa làng, văn hóa rừng. Trong nền văn hóa ấy, âm nhạc nổi lên như một loại hình nghệ thuật, một sản phẩm đặc sắc mang đậm âm hưởng, tâm tư của con người sống trên miền sơn cước. Đó là một môi trường lý tưởng để hình thành và phát triển nghệ thuật âm nhạc dân gian nói chung, sinh hoạt công chiêng nói riêng.

Công chiêng của các tộc người miền núi Quảng Nam không chỉ đơn thuần với tư cách là một nhạc khí thông thường để giải trí sau lao động mệt nhọc, công chiêng còn là phương tiện giải tỏa nỗi lòng, là cầu nối gắn kết con người với tự nhiên và cộng đồng. Giữa núi rừng, chỉ có âm thanh công chiêng mới đủ sức vang xa mãnh liệt, đưa tâm hồn con người đạt đến sự thăng hoa của niềm vui. Nếu trong lễ hội, ma chay của người Kinh ở đồng bằng, công chiêng được sử dụng, nhưng tính thường xuyên và phổ biến là hiếm có, mặc dù công chiêng được chế tác từ đó. Trong khi đó, ở đồng bào các dân tộc sống trên miền núi cao, công chiêng giữ một vị trí trọng yếu trong đời sống tinh thần cũng như vật chất của đồng bào. Xét cho cùng, công chiêng được sản xuất ở đồng bằng là hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên, mỗi loại hình âm nhạc lại gắn bó với từng môi trường sống khác nhau. Giống như điệu hò chèo thuyền vang lên trên sông nước, hò ra khơi vang lên trên biển cả, thì dĩ nhiên, công chiêng chỉ có thể sống vững chãi giữa lòng núi rừng, với những con người mang đậm chất núi. Tiếng công chiêng theo suốt vòng đời con người với hệ thống các lễ hội lớn nhỏ. Âm nhạc công chiêng như một tấm gương đạo lý để mọi người soi mình vào mà sống cho đúng nghĩa nhân văn, đúng với bản lĩnh, bản tính và nề nếp luật tục. Xét từ góc độ văn hóa cổ truyền, âm nhạc công chiêng truyền tải vẻ đẹp hoang sơ, huyền thoại trong cuộc sống khiến cho con người giữ được những phẩm chất "bản thiện".

Bên cạnh đó, rõ ràng sự phân tầng xã hội đã là tiền đề, cơ sở khẳng định vị thế của công chiêng trọng tâm thức của mỗi người. Bởi lẽ, công chiêng thay thế hoàn toàn vai trò của tư liệu sản xuất trong việc phân định ranh giới giàu nghèo, đánh giá tiềm lực vật chất của mỗi gia đình, mỗi làng. Lý giải hiện tượng trên không gì khác, đó là do giá trị vật chất và tính thiêng của công chiêng quy định. Mọi người

căn cứ vào số lượng và chất lượng (cồng chiêng cổ và cồng chiêng thường) để quy chiếu cho uy tín, quyền lực, sự giàu có của mỗi gia đình, dòng họ, cộng đồng làng. Ở đây, sự hiện diện của cồng chiêng như là sự phô trương tiềm lực, sức mạnh tự thân để mọi người phải nể phục. Cồng chiêng tự nó đã có một chỗ đứng vững chãi trong tiềm thức, ý thức của đồng bào. Đặc biệt, trong mối quan hệ của thiết chế xã hội "Nhà - Làng", âm thanh của cồng chiêng như tiếng gọi nối kết các cá thể. Mọi người tham gia vào công việc chung của làng theo sự tự nguyện. Khi đó, tiếng cồng chiêng là lời hiệu triệu, tập hợp mọi người trở về làng như hướng về với cội nguồn. Tiếng chiêng vang lên, dội vào vách núi và cứ thế, âm thanh cộng hưởng với nhau, báo cho mọi người điều gì làng muốn nói. Mọi giới hạn về địa lý dường như bị thu hẹp để thắt chặt thêm tính cố kết cộng đồng.

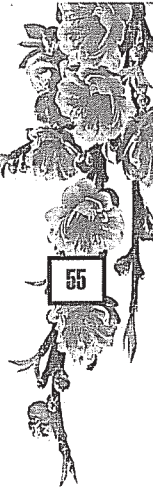
Mặt khác, theo quan niệm của đồng bào, âm thanh của cồng chiêng là cầu nối giao lưu với các đấng thần linh tối cao. Thông qua tiếng cồng chiêng, có thể mời gọi các thần về che chở, phù hộ cho họ có sức khỏe để làm rẫy, cho cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu. Cốt lõi của các tín ngưỡng và nghi lễ liên quan đến chu kỳ sản xuất là sự cầu mong mùa màng no đủ. Một mặt, nó phản ánh sự thiếu tự tin ở năng lực tự thân, ở khả năng cải thiện thực tiễn của con người, mặt khác, nó lại thể hiện niềm tin, sự tôn sùng tuyệt đối ở đấng tối cao, ở những sức mạnh siêu hình. Trong tâm thức ấy, chỉ có cồng chiêng - vật thiêng có linh hồn mới đảm nhiệm được sứ mệnh giao thoa giữa hai thế giới hiện thực và siêu thực. Niềm tin ấy dù huyền ảo, nhưng chính nó đã mang lại sức sống, tiếp thêm nghị lực để họ vượt qua mọi khó khăn. Đó cũng là cơ sở để cồng chiêng có chỗ đứng vững chắc trong tiềm thức cũng như tâm thức của đồng bào.

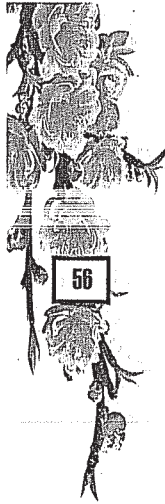
Theo đó, âm thanh cồng chiêng là ngôn ngữ linh thiêng nhất, gắn kết con người với các đấng siêu nhiên. Trong thế giới quan của họ, thiên nhiên bao la đầy bí ẩn, nhưng bởi có tiếng chiêng nên đã trở nên gần gũi, thân thiết với con người. Tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu linh là lời giải thích đầy đủ nhất của đồng bào đối với thế giới tự nhiên. Bởi, tin vào sự tồn tại và sức mạnh thiêng của các vị thần nên con người luôn bày tỏ niềm tôn thờ linh thiêng và tiếng cồng chiêng đã đảm nhiệm vai trò ấy với đầy đủ quyền năng và sức mạnh. Lễ vật hiến sinh chỉ thể hiện ở khía cạnh vật chất, còn âm thanh cồng chiêng mới là tâm nguyện của đồng bào. Bởi thế, họ tin rằng, thần linh luôn trú ngụ ở bên cạnh

để chứng giám và nghe thấu ước nguyện, để che chở, phù hộ cho mình. Thần mặt trời ban ánh sáng, thần sấm ban nguồn nước, thần lúa ban sự no đủ, thần rừng ban phát muôn thú, cây cỏ hoa lá... Cũng chính niềm tin ấy đã hình thành trong tâm thức đồng bào ý thức bảo vệ thiên nhiên, nguồn nước, vì đó chính là bảo vệ nguồn sống của họ.

Sống trong thế giới đầy thần linh, hồn ma nên đồng bào trước khi làm việc gì đều phải tổ chức các nghi thức cúng, tiêu biểu như các nghi thức liên quan đến nghề săn bắn, các nghi thức liên quan đến chu kỳ vòng đời con người, vòng đời cây trồng trong hoạt động sản xuất, như: lễ cúng máng nước, cúng mừng lúa mới, lễ chọn rẫy, lễ tía lúa... Một trong những lễ hội quan trọng đối với đồng bào là lễ hội đâm trâu. Đâm trâu là biểu hiện sức mạnh của cộng đồng, là dịp để biểu dương lực lượng, là cơ hội để trai gái trong làng thể hiện tài năng, cơ hội giao lưu. Đó là môi trường lý tưởng để hình thành và lưu giữ các loại hình nghệ thuật dân gian, đặc biệt sinh hoạt cồng chiêng giữ vai trò hội tụ và quán xuyên. Các chàng trai khỏe khoắn trong điệu cồng chiêng rộn ràng, các cô gái duyên dáng trong những điệu múa uyển chuyển Tưng tung - Da dá của dân tộc Cơ Tu, múa Ka đẩu của dân tộc Ca Dong, múa Đinh tuk của dân tộc Giê - Triêng, múa Ching của dân tộc Xơ Đăng... Sự kết hợp tinh tế giữa cồng chiêng và vũ điệu ấy là men say lôi cuốn tất cả dân làng hòa mình trong niềm vui bất tận, hướng đến sự no đủ và cầu phúc.

Các dân tộc thiểu số Quảng Nam đều có những dàn cồng chiêng với những biên chế khác nhau, như dàn cồng chiêng của người Cơ Tu có 2 chiêng, 3 cồng và 3 trống; người Ve, Giê, Tà Riêng có 3 cồng, 9 chiêng; trong khi đó, bộ cồng chiêng của người Cor có số lượng ít hơn gồm 2 chiêng và một trống bịt bằng da dê; bộ chiêng của người Ca Dong lại được biên chế 2 chiêng lớn, 1 chiêng nhỏ và một trống bịt bằng da dê. Đa số các tộc người đều phổ biến cả 2 loại chiêng: chiêng bằng và chiêng có núm, nhưng cũng có tộc như Ca Dong chỉ có loại chiêng bằng. Hầu hết đồng bào đều không ai biết cồng chiêng ra đời từ khi nào và cũng không có một huyền thoại hay truyền thuyết gì kể về sự ra đời của cồng chiêng. Chiêng thường được mua từ người Kinh (Doắt, Doãn), người Lào và người Campuchia, cũng có thể được trao đổi bằng trâu bò, thóc gạo hay lợn gà. Trong mỗi cộng đồng, đều có những người có khả năng chính cho âm thanh cồng chiêng thật chuẩn và họ trở thành những nghệ nhân thổi hồn cho cồng





chiêng. Khi tấu chiêng, các nghệ nhân đánh vào chính giữa tâm chiêng hay núm chiêng để tạo ra những âm thanh trầm bổng. Kỹ thuật đánh công chiêng bằng dùi gỗ, dùi bọc da hay đánh bằng tay, kết hợp với động tác nhún nhả bằng cách xoa tay trên mặt công chiêng, tạo ra âm thanh luyến láy. Sự hoà hợp nhuần nhuyễn giữa trống và chiêng trong dàn công chiêng với những thang âm cao thấp khác nhau, tạo thành một bản hoà tấu rất nhịp nhàng, với hoà âm theo chiều ngang, một kiểu hoà âm khác với phương Tây là hoà âm theo chiều dọc.

Công chiêng có mặt trong hầu hết các lễ hội của đồng bào. Ngày xưa, gia đình dù nghèo đến mấy cũng cố gắng mua cho được một bộ công chiêng, nhà giàu thì có hàng chục bộ khác nhau. Sở dĩ gọi là bộ vì đó là một biên chế âm thanh chặt chẽ. Như vậy, trong cuộc sống đầy rẫy những khó khăn thử thách phải đương đầu thì tiếng chiêng của đồng bào vẫn vang lên như khẳng định sức sống mãnh liệt của cộng đồng.

Đặc biệt, sự đa dạng của văn hoá công chiêng các tộc thiểu số Quảng Nam còn tiềm ẩn những điểm tựa cho việc lần tìm nguồn gốc của loại nhạc khí này, cũng như sự phân chia những vùng văn hoá công chiêng có đặc trưng khác nhau. Những điều trên cho thấy, không phải ngẫu nhiên mà trong tất cả các nhạc khí ở Việt Nam, chỉ riêng công chiêng mới tạo nên một loại hình văn hoá riêng, được gọi là văn hoá công chiêng và chính bởi hệ giá trị đó, công chiêng đã có ảnh hưởng sâu sắc và rộng lớn đến đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của đồng bào các tộc thiểu số ở miền núi Quảng Nam.

Đi tìm vẻ đẹp của văn hoá công chiêng các tộc thiểu số Quảng Nam, có nghĩa là trở về với cội nguồn văn hoá bản địa do chính đồng bào sáng tạo trong quá trình thích ứng, thích nghi với môi trường tự nhiên, trong quá trình lao động sản xuất. Hương sắc núi rừng đã tinh lọc, hội tụ thành di sản văn hoá phi vật thể của dân tộc. Rõ ràng, tính đặc sắc văn hoá công chiêng của các tộc thiểu số Quảng Nam không phải là do được du nhập từ nơi khác tới, cũng không đơn thuần là sự lan tỏa của văn hoá công chiêng Tây Nguyên, bởi vì, quan hệ Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trước mắt là quan hệ hỗ trợ hơn là quan hệ của một thể thống nhất (một vùng thống nhất); bởi lẽ mỗi vùng đều có những nét đặc thù trong phát triển kinh tế, nhất là về mặt xã hội. Đồng bào các tộc miền núi Quảng Nam có mối quan hệ chặt chẽ với

núi rừng. Rừng núi đã tạo cho họ một tính cách hào hiệp, phóng khoáng và đôn hậu. Và, chính trong môi trường xanh thắm của cỏ cây hoa lá, rần rỏi của đất đá, mềm mại thanh thoát của những dòng suối tuôn chảy mạch sống đêm ngày đã hòa quyện vào nhau, để rồi văn hóa công chiêng của các dân tộc ra đời trong không gian mang đầy màu sắc huyền thoại.

Mặc dù phải trải qua nhiều thăng trầm trong lịch sử, các tộc thiểu số ở miền núi Quảng Nam vẫn kiên cường vươn lên mọi thử thách để khẳng định mình. Chính những thăng trầm lịch sử đó, cùng với môi trường sống tự nhiên và xã hội là nền tảng cơ bản để hun đúc nên đời sống tinh thần phong phú, đa dạng được tích lũy qua nhiều thế hệ, trong đó, công chiêng là loại hình nghệ thuật dân gian mang đậm màu sắc núi rừng và cuộc sống trên miền sơn cước. □

T.T.H

Tài liệu tham khảo:

- 1- Lê Hải Đăng, "Âm nhạc dân gian Tây Nguyên và công tác bảo tồn", *Tạp chí Văn hoá các dân tộc*, số 2 - 1996.
- 2- Nguyễn Văn Huyền, *Văn hoá, mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2006.
- 3- Nguyễn Văn Mạnh, *Dân tộc học đại cương*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế, Trung tâm đào tạo từ xa, Huế, 1998.
- 4- Đào Huy Quyển, "Công chiêng trong đời sống văn hoá tinh thần của các dân tộc ở Tây Nguyên", *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, số 6 - 1990.
- 5- Hà Văn Tấn, *Đến với lịch sử văn hoá Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, 2005.
- 6- Lê Bá Thảo, *Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb.KHXH, 2002.
- 7- Tô Ngọc Thanh, "Công chiêng - một biểu hiện văn hoá âm nhạc Việt Nam", *Báo Văn nghệ*, số 24 - 1998.
- 8- Hoàng Ngọc Trinh, "Giữ gìn và phát huy di sản văn hoá dân tộc", *Tạp chí Dân tộc và Thời đại*, số 3 - 2001.
- 9- Đặng Nghiêm Vạn, "Người Càdong ở Trà My", *Tạp chí Dân tộc học*, số 3 - 1978.
- 10- Đặng Nghiêm Vạn, *Tìm hiểu con người miền núi Quảng Nam*, Ban dân tộc Quảng Nam, Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Nam, 2005.
- 11- Đặng Nghiêm Vạn, "Vài nhận xét về thành phần dân tộc ở huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam", *Tạp chí Dân tộc học*, số 3 - 2003.
- 12- Nhiều tác giả, *Các nhạc cụ gõ bằng đồng - những giá trị văn hoá*, Nxb. Văn hoá dân tộc, 2006.
- 13- Viện Văn hoá Thông tin (Bộ VH-TT-DL), "Những giá trị cơ bản của không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên", *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, số 1 - 2006.